Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7102.31.00

Mã HS	7102.31.00
Mô tả hàng hóa	Kim cương, đã hoặc chưa được gia công, nhưng chưa được gắn hoặc nạm dát / - Kim cương phi công nghiệp: / - - Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hoặc mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua
Đơn vị	carat
Thời điểm tạo	09/11/2026 23:48:54
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/71023100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10658
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10658
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10658
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10658
Thuế XK ưu đãi CPTPP	15	15%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10658
Thuế XK ưu đãi EVFTA	15	15%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10658
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	15	15%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10658

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10106
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10057
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10057
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10057
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10057
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10057
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10057
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10109
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10109

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10109
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10109
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10109
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10109
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10110
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10110
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10110
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10110
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10110
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10110
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10111
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10063
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10069
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10069
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10069
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10069
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10069
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10069
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10094
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10094
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10094
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10094
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10094
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10094
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10147
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10147

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10147
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10147
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10147
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10147
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10132
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10132
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10132
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10132
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10132
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10132
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10132
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10132
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10132
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10132
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10132
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10132
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10149
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10149
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10149
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10149
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10149
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10149
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10148
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10148
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10148
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10148

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10148
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10148
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10089
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10089
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10089
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10089
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10089
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10089
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10089
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10126
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10126
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10126
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10126
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10126
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10126
RCEP B	2022	2022	0	B!D10126
RCEP B	2023	2023	0	B!E10126
RCEP B	2024	2024	0	B!F10126
RCEP B	2025	2025	0	B!G10126
RCEP B	2026	2026	0	B!H10126
RCEP B	2027	2027	0	B!I10126
RCEP C	2022	2022	0	C!D10126
RCEP C	2023	2023	0	C!E10126
RCEP C	2024	2024	0	C!F10126
RCEP C	2025	2025	0	C!G10126
RCEP C	2026	2026	0	C!H10126

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10126
RCEP D	2022	2022	0	D!D10125
RCEP D	2023	2023	0	D!E10125
RCEP D	2024	2024	0	D!F10125
RCEP D	2025	2025	0	D!G10125
RCEP D	2026	2026	0	D!H10125
RCEP D	2027	2027	0	D!I10125
RCEP E	2022	2022	0	E!D10129
RCEP E	2023	2023	0	E!E10129
RCEP E	2024	2024	0	E!F10129
RCEP E	2025	2025	0	E!G10129
RCEP E	2026	2026	0	E!H10129
RCEP E	2027	2027	0	E!I10129
RCEP F	2022	2022	0	F!D10126
RCEP F	2023	2023	0	F!E10126
RCEP F	2024	2024	0	F!F10126
RCEP F	2025	2025	0	F!G10126
RCEP F	2026	2026	0	F!H10126
RCEP F	2027	2027	0	F!I10126
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9366
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9366
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9366
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9366

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Kim cương thô (41/2019/TT-BCT)		41/2019/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Đá quí và đá bán quí, kim cương, và các loại đá khác > Kim cương (trừ kim cương công nghiệp). (Tham chiếu mã HS 8 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7102.31.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7102.31.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10658), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)
Kim cương thô (41/2019/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.